

Bản án số: 304/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 21/7/2025
V/v Ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thu Phương

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Nguyễn Thị Thanh Mai

2/ Ông Trần Văn Triều

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Võ Thị Thoa – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 21 tháng 7 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 289/2025/TLST-HNGĐ ngày 12/6/2025 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 3778/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 7 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Lin, Cian-Long, sinh năm 1955

Địa chỉ: Số 57-2 Tầng Lâm, khóm 005, phường Tầng Lâm, khu Ngọc Tinh, thành phố Đài Nam, Đài Loan.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn (để nhận giấy tờ liên quan đến vụ án, bản án, quyết định của Tòa án): Ông Đinh Quang T, sinh năm 1977, địa chỉ: Số 162/93 đường Tôn Thất Hiệp, Phường P, phường P, Thành phố H (theo giấy ủy quyền ngày 15/4/2025 được Văn phòng Kinh Tế - Văn hóa Đài Bắc tại Thành phố Hồ Chí Minh chứng nhận hợp pháp hóa lãnh sự số 0117039/SNV ngày 19/5/2025).

Bị đơn: Bà Phan Thị Thu D, sinh năm 1967

Địa chỉ: Căn hộ 10.11, Tầng 11 Lô A, chung cư Thủ Thiêm, Lô P, khu phố 3, phường B, Thành phố T, Thành phố H.

(Các đương sự vắng mặt, có đơn yêu cầu vắng mặt).

NỘI D VỤ ÁN:

Tại bản tự khai ngày 15/4/2025 của ông Lin, Cian-Long được Văn phòng Kinh Tế - Văn hóa Đài Bắc tại Thành phố Hồ Chí Minh chứng nhận hợp pháp hóa lãnh sự số 0117042/SNV ngày 19/5/2025 có nội D như sau:

Ông và bà Phan Thị Thu D kết hôn năm 2023, theo giấy chứng nhận kết hôn số 366/2023 do Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 28/12/2023.

Sau khi kết hôn, hai bên chung sống hạnh phúc bình thường, ông đã làm thủ tục hồ sơ bảo lãnh bà D sang Đài Loan sinh sống, tuy nhiên khi sống ở Đài Loan hai bên bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, thói quen, môi trường sống và văn hóa hai bên khác biệt quá lớn nên việc sống chung khó khăn, dù đã nhiều lần cùng nhau giải quyết nhưng không được, mâu thuẫn kéo dài khiến cả hai bên đều mệt mỏi nên đã thống nhất ly hôn, sau khi bà D về Việt Nam sinh sống thì hai vợ chồng không còn quan tâm đến nhau nữa. Nay ông nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc nên ông yêu cầu được ly hôn với bà Phan Thị Thu D.

Về con chung: Không có

Về tài sản chung và nợ chung: Không có

Bị đơn bà Phan Thị Thu D trình bày:

Bà và ông Lin, Cian-Long kết hôn năm 2023, theo giấy chứng nhận kết hôn số 366/2023 do Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 28/12/2023.

Về quá trình chung sống và mâu thuẫn vợ chồng bà thông nhất như trình bày của ông Lin, Cian-Long. Bà được biết ông Lin, Cian-Long đang yêu cầu ly hôn với bà tại Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Đối với yêu cầu của ông Lin, Cian-Long bà có ý kiến như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Bà đồng ý ly hôn với ông Lin, Cian-Long.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa sơ thẩm: Nguyên đơn ông Lin, Cian-Long, bị đơn bà Phan Thị Thu D đều có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Nguyên đơn ông Lin, Cian-Long đang cư trú tại Đài Loan có đơn xin ly hôn với bị đơn bà Phan Thị Thu D đang cư trú tại Thành phố Hồ Chí Minh, đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 37; Điều 38; Điều 40; Điều 469 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 123 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2] Về tố tụng:

Tòa án đã triệu tập hợp lệ các bên tham gia phiên tòa, nguyên đơn ông Lin, Cian-Long, bị đơn bà Phan Thị Thu D đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ quy định tại Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

Tòa án không tiến hành thu thập chứng cứ nên vụ án không thuộc trường hợp Viện kiểm sát tham gia phiên tòa sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 21 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

[3] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Ông Lin, Cian-Long và bà Phan Thị Thu D có đăng ký kết hôn vào năm 2023, theo giấy chứng nhận kết hôn số 366/2023 do Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 28/12/2023 nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Theo ông Lin, Cian-Long và bà Phan Thị Thu D trình bày:

Sau khi kết hôn, hai bên chung sống hạnh phúc bình thường, ông Lin, Cian-Long đã làm thủ tục hồ sơ bảo lãnh bà D sang Đài Loan sinh sống, tuy nhiên khi sống ở Đài Loan hai bên bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, thói quen, môi trường sống và văn hóa hai bên khác biệt quá lớn nên việc sống chung khó khăn, dù đã nhiều lần cùng nhau giải quyết nhưng không được, mâu thuẫn kéo dài khiến cả hai bên đều mệt mỏi nên đã thống nhất ly hôn, sau khi bà D về Việt Nam sinh sống thì hai vợ chồng không còn quan tâm đến nhau nữa, ông Lin, Cian-Long nhận thấy cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, không còn khả năng hàn gắn nên có đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn với bà Phan Thị Thu D. Về phía bà Phan Thị Thu D có bản tự khai đồng ý ly hôn theo yêu cầu của ông Lin, Cian-Long.

Xét thấy, vợ chồng có quyền, nghĩa vụ yêu thương, tôn trọng và cùng có trách nhiệm quan tâm, chăm sóc giúp đỡ nhau cùng tiến bộ, xây dựng gia đình hạnh phúc, đây cũng là mục đích của hôn nhân. Do điều kiện khách quan nên thực tế vợ chồng ông Lin, Cian-Long, bà Phan Thị Thu D đã không còn chung sống với nhau, tình cảm phai nhạt, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông Lin, Cian-Long xin ly hôn và bà Phan Thị Thu D đồng ý thuận tình ly hôn là có cơ sở, phù hợp quy định của pháp luật được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Ông Lin, Cian-Long và bà Phan Thị Thu D đều xác định không có nên không xét.

[4] Về án phí:

Án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn: Nguyên đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

[5] Về quyền kháng cáo: Ông Lin, Cian-Long và bà Phan Thị Thu D được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 21; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 37; Điều 38; Điều 40; Điều 147; Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 273; Điều 469; khoản 2 Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 56; Điều 57; Điều 122; Điều 123; Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016.UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ luật Thi hành án dân sự 2008 đã sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lin, Cian-Long.

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Lin, Cian-Long và bà Phan Thị Thu D thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Không có

- Về tài sản chung: Không có

- Về nợ chung: Không có.

2. Về án phí và thi hành án: Thi hành án dưới sự giám sát của Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn: 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng ông Lin, Cian-Long phải chịu nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm ông Lin, Cian-Long đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0070847 ngày 11/6/2025 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh). Ông Lin, Cian-Long đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

3. Ông Lin, Cian-Long được quyền kháng cáo trong thời hạn 01 (một) tháng, bà Phan Thị Thu D được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Tối cao;
- Tòa Phúc thẩm tại TP.HCM (Tòa Phúc thẩm 3);
- Viện công tố và Kiểm sát xét xử phúc thẩm tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- Thi hành án dân sự TP.HCM;
- Cơ quan đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VT. (Thoa/20b)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Thu Phương